

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2020/HS-ST

Ngày 15/5/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Kiên;***

***Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung; Ông Phạm Đức Long***

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thái - Cán bộ  
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến- Kiểm sát viên;***

Hôm nay, ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 138/2020/TLST-HS ngày 24/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:144/2020/QĐXXST-HS ngày 20/4/2020 đối với bị cáo:

**\* Uông Ngọc B**, sinh ngày 10/02/1983, tại tỉnh Thanh Hóa (không có tên gọi khác); Nơi đăng ký HKTT:Thôn 5, xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không;Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Chức vụ (Đảng, Chính quyền; Đoàn thể) trước khi phạm tội: Không;

Con ông Uông Ngọc L (đã chết) và bà Tô Thị T, sinh năm 1943; Vợ là Cao Thị Phương, sinh năm 1986; Có 03 con (con lớn sinh năm 2003; con nhỏ sinh năm 2008); Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ B;

Tiền án, tiền sự: Không;

**Nhân thân:** +Năm 2013 bị Công an xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính, số tiền là 500.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng.

+Tại Quyết định xử phạt hành chính số 572/QĐ-XPVPHC ngày 17/7/2018 của Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 750.000 đồng về hành vi “ *Sử dụng trái phép chất ma túy*”, đã nộp phạt ngày 24/8/2018;

+Tại Bản án số 167/2014/HSST ngày 23/7/2014 của TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, ra trại ngày 21/5/2016. Đã nộp xong tiền án phí ngày 23/7/2014;

+ Tại Bản án số 144/2019/HSST ngày 24/10/2019 của TAND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, xử phạt 12 tháng tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*”;

+ Ngày 14/11/2019 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

+Tại Bản án số 22/2020/HS-ST ngày 20/02/2020 của TAND thành phố Thái Nguyên, xử phạt 24 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù tại bản án số 144/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 của TAND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, B phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là **36** tháng tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2019 trong vụ án khác. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

**\* Bị hại:** 1. **Chị Đoàn Thị L**, sinh năm 1987 (cán bộ UBND p.Tân Thành); ĐKKH và ở: Tổ dân phố số 9, phường Tân Thành, TP Thái Nguyên;

2.**Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974 (cán bộ UBND p.Tân Thành); ĐKKH và ở:Tổ dân phố số 11, phường Tân Thành, TPThái Nguyên;

3.**Chị DươngThị T 2**, sinh năm1978 (cán bộ UBND p.Tích Lương);

ĐKKH và ở: Tổ dân phố số 5, phường Tích Lương,TP phố Thái Nguyên;

(*Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt*);

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1.**Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên;**

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Ngô Mạnh T 3** sinh năm 1981;

Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, TP Thái Nguyên;

(vắng mặt);

+ *Người chứng kiến:***Anh Trần Thanh A**, sinh năm 1984;

ĐKKH:Xóm Thanh Phong, xã Phúc Trìu, TPThái Nguyên, hiện là phạm nhân Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

+ *Người làm chứng:* **Anh Phạm Văn T**, sinh năm 1989;

ĐKKH và ở: Xóm Xuân T, xã T Đức, thành phố Thái Nguyên;

( vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*Uông Ngọc B là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên đi lang thang với mục đích lợi dụng sự sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền đáp ứng nhu cầu của bản thân. Trong tháng 10/2019 B đã thực hiện các vụ trộm cắp trên địa bàn thành phố Thái Nguyên như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 15/10/2019, B khoác 01 ba lô màu xanh đen và điều khiển xe máy một mình đến trụ sở Ủy ban nhân dân (UBND) phường Tân Thành (tại địa chỉ tổ dân phố số 11 của phường), B dựng xe máy tại khu vực sân rồi đi bộ tầng 2, thấy phòng làm việc của Hội phụ nữ và Hội nông dân cửa mở (đây là phòng làm việc của chị L và chị Thị T), trên mặt bàn làm việc tại vị trí giữa phòng có để 01 máy tính laptop (nhãn hiệu Lovo, màu đen, màn hình 14 inch, core I3, đời máy năm 2010 -là tài sản của UBND phường Tân Thành giao cho chị L quản lý, sử dụng). Sau khi quan sát thấy không có người quản lý tài sản, B đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy tính này. B đến vị trí để máy tính, dùng hai tay gấp chiếc máy tính lại rồi cho vào ba lô của B, sau đó B đi vòng sang bàn bên cạnh để rút sạc máy tính, lúc này B nhìn thấy dưới ngăn kéo bàn có 01 túi xách da màu nâu ( là tài sản của chị T), B không lấy sạc máy tính nữa mà cầm chiếc túi này rồi mở ra và lấy chiếc ví màu nâu trong túi cho vào ba lô của mình rồi trở lại nơi để xe máy và điều khiển xe đi đến đầu cầu Gia B (phía phường Đồng Bẩm) thì dừng lại để kiểm tra ví da vừa trộm cắp được, thấy bên trong ví da có một số tiền và giấy tờ, B đã lấy toàn bộ tiền cất vào ba lô. Các giấy tờ tùy thân của chị T B cho vào ví và vứt tại địa đường. Do sợ bị phát hiện nên B không kịp kiểm đếm tiền mà điều khiển xe máy để đi về khu vực huyện Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh. Trên đường đi B dừng lại kiểm đếm tiền và xác định số tiền mặt có trong ví là 2.700.000 đồng. Khi đến huyện Đình Bảng B đã bán chiếc máy tính nói trên cho 01 người đàn ông không quen biết được **900.000đ** (chín trăm ngàn đồng).

**\*Vụ thứ hai:** Khoảng 15 giờ 30 ngày 28/10/2019, B khoác 01 ba lô và điều khiển xe máy một mình đến trụ sở UBND phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên (tại địa chỉ tổ dân phố số 9 của phường). Khi đến nơi B dựng xe máy tại khu vực sân rồi đi bộ vào phòng làm việc tại tầng 1, cửa hướng về phía đường quốc lộ (Phòng Văn hóa xã hội...là phòng làm việc của chị T 2). Thấy trên bàn làm việc có để 01 chiếc máy tính xách tay (nhãn hiệu Asus X554LA I3 5010/Ram 4GB/HDD 500GB, màu đen, màn hình 15inch - là tài sản của chị T 2), B vào phòng và ngồi tại ghế gỗ dài để quan sát, thấy không có người quản lý tài sản, B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc máy vi tính này . B đến vị trí để máy tính, dùng hai tay gấp chiếc máy tính lại rồi cho vào ba lô của B rồi trở lại vị trí để xe máy và điều khiển xe đi đến bến xe Giáp Bát, Hà Nội. Tại đây, B đã bán chiếc máy tính trộm cắp được nói trên cho một người đàn ông không quen biết với giá **1.900.000 đ** (một triệu chín trăm nghìn đồng).

Toàn bộ các khoản tiền trên B đã sử dụng mua ma túy, mua số lô, số đề và tiêu xài cá nhân hết;

Thời điểm B thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong giờ hành chính, các bị hại sang phòng, ban khác cùng cơ quan làm việc nhưng không khóa cửa, khi trở lại phòng làm việc của mình phát hiện bị mất tài sản đã có đơn trình báo Cơ quan công an.

Ngày 17/10/2019 anh Phạm Văn T đã nhặt được chiếc ví và các giấy tờ tùy thân của chị T tại vị trí B đã vứt các tài sản này (đầu cầu Gia B). Cùng ngày anh T đã liên hệ và trả lại chị T;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 353/HĐĐGTS ngày 30/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự (HĐĐGTS trong TTHS) thành phố Thái Nguyên xác định: 01 chiếc ví bằng da, màu nâu (kích thước 9 cm x 20 cm) là tài sản của chị T đã qua sử dụng trị giá **50.000** đồng; Chiếc máy tính xách tay là tài sản của UBND phường Tân Thành- chị L là người được giao quản lý, do không cung cấp được mẫu tài sản tương tự nên hội đồng không có căn cứ xác định giá trị.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 340 /HĐĐGTS ngày 17/11/2019 của HĐĐGTS trong TTHS của thành phố Thái Nguyên xác định chiếc máy tính là tài sản của chị T 2 (đã qua sử dụng), trị giá là 5.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên;

**Vật chứng của vụ án gồm:** 01 chiếc ví da màu nâu (kích thước 9 cm x 20 cm)- đã qua sử dụng, là tài sản của chị T; Giấy tờ tùy thân của chị T (chị T đã nhận lại);

Các vật chứng không thu hồi được gồm: 01 máy vi tính xách tay là tài sản của UBND phường Tân Thành; 01 máy vi tính xách tay là tài sản của chị T 2, có đặc điểm như nêu trên và 2.700.000 đ tiền mặt là tài sản của chị T.

**Về trách nhiệm dân sự:** Chị T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả chị **2.700.000** đồng ; Chị L yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc máy tính xách tay bị cáo đã chiếm đoạt- là tài sản của UBND phường Tân Thành giao cho chị chịu trách nhiệm quản lý bằng 01 khoản tiền là **3.000.000** đồng; Chị T 2 yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc máy tính bị cáo đã chiếm đoạt bằng 01 khoản tiền là **5.000.000** đồng;

Tại bản Cáo trạng số 150/CT-VKSTPTN ngày 23 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã truy tố Uông Ngọc B về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 - được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS);

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa đã giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử T 2 bố bị cáo phạm tội **“Trộm cắp tài sản”** quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Xác định bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*); Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS **“ Phạm tội 02 lần trở lên ”**

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ **18 đến 24** tháng tù, tổng hợp hình phạt với bản án trước theo quy định.

Về vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận mà hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

**[1] Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS), người tham gia tố tụng trong vụ án không có khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

Người bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của BLTTHS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo thủ tục chung; Người chứng kiến và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở pháp lý cho việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử xét tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

**[2] Về nội dung:** Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã lợi dụng sự sơ hở của các bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Thái Nguyên đã truy tố nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự và các tài liệu, chứng cứ khác. Chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, hành vi của bị cáo đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội **“Trộm cắp tài sản”** quy định khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Bị cáo nhận thức rõ tài sản trên thuộc quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo tại bản Cáo trạng nêu trên là có căn cứ. Nội dung của khoản 1 Điều 173 của BLHS quy định: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...*

**[3] Về tình tiết định khung hình phạt:** Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo bị xét xử theo các quy định nêu trên.

**[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:** Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử lý hành chính và bị kết án- trong đó có hành vi cùng tính chất với hành vi phạm tội lần này, nhưng bị cáo không coi đó là bài học để sửa chữa lỗi lầm và hoàn lương, sống bằng sức lao động lương thiện mà tiếp tục lún sâu vào con đường tội lỗi, bất chấp kỷ cương pháp luật, chiếm đoạt tài sản của người khác để đáp ứng nhu cầu của bản thân; Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng xét thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của

BLHS. Mức án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ.

Hiện tại bị cáo đang phải chấp hành hình phạt tổng hợp là **36** tháng tù theo bản án số 22/2020/HSST ngày 20/02/2020 của TAND thành phố Thái Nguyên, nay bị cáo lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của BLHS, cần tổng hợp hình phạt của bản án trước và bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Thời hạn chấp hành hình phạt chung của 02 bản án tính từ ngày 06/11/2019 (thời gian đã chấp hành hình phạt tù của bản án trước).

**Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS bị cáo có thể bị phạt từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng... hoặc tịch thu 01 phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**[5] Về vật chứng:** Các vật chứng đã thu hồi được gồm 01 chiếc ví da màu nâu và giấy tờ tùy thân của chị T, Cơ quan điều tra xác định chị T được trả lại là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS;

**[6] Về trách nhiệm dân sự:** UBND phường Trung Thành xác định đã giao cho chị L chịu trách nhiệm quản lý chiếc máy tính xách tay bị B chiếm đoạt như nêu trên, do đó chị L là người quản lý tài sản hợp pháp và là bị hại, có quyền yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị cáo đã chiếm đoạt (trách nhiệm giữa chị L với UBND phường Tân Thành không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này);

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo chấp nhận yêu cầu bồi thường của các bị hại đối với các tài sản bị cáo đã chiếm đoạt- hiện không thu hồi được như nêu trên. Căn cứ các quy định tại khoản 2 Điều 47 của BLHS; Điều 584 của Bộ luật dân sự, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại các khoản tiền theo yêu cầu của các bị hại như nêu trên là có căn cứ.

**[7] Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo các quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**[8] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331; 332 và 333 của BLTTHS;

Vì các lẽ trên

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các quy định: - Khoản 1 Điều 173; Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 56; Điều 38; Điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của BLHS;

- Điều 106; 136; 331; 332 và 333 của BLTTHS;

- Điều 584 của BLDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

## **T 2 bổ**

1. Về tội danh: Bị cáo Ông Ngọc B phạm tội: " Trộm cắp tài sản"

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo **18** (mười tám) tháng tù;

Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù tại bản án số 22/2020/HSST ngày 20/02/2020 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là **54** ( năm mươi tư) tháng tù;

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 06/11/2019;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

3. Về vật chứng: Quá trình điều tra chỉ T đã được nhận lại 01 chiếc ví da màu nâu cùng các giấy tờ tùy thân;

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 2.700.000 đ (hai triệu B trăm ngàn đồng); Bồi thường cho chị Đoàn Thị L trị giá chiếc máy tính nhãn hiệu Lovo, màu đen, màn hình 14 inch, core I3, đời máy năm 2010 bằng 01 khoản tiền là **3.000.000đ** (ba triệu đồng); Bồi thường chị Dương Thị T 2 trị giá chiếc máy tính nhãn hiệu Asus X554LA I3 5010/Ram 4GB/HDD 500GB, màu đen, màn hình 15 inch bằng 01 khoản tiền là **5.000.000đ** (năm triệu đồng);

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5. Về án phí:** Buộc bị cáo phải chịu **200.000đ** (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **535.000 đ** ( năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.



Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T 2 án; Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN ;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, BH; NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ;
- Lưu BP HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thúy Kiên**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thúy Kiên**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thúy Kiên**

